

THÔNG BÁO YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm.

Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xét chọn vắc xin sử dụng tiêm ngừa dịch vụ, Danh mục vắc xin sử dụng tiêm ngừa dịch vụ tại Bệnh viện năm 2026 cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu bảng báo giá: Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận bảng báo giá:

DS. Nguyễn Thị Phụng Châu, khoa Dược – Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ, số 345 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 02923.748393. Địa chỉ mail: kduoc.bvndct@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận bảng báo giá:

Kính đề nghị các Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi hồ sơ có thành phần và nội dung theo phụ lục I đính kèm thông báo này, ngoài phong bì ghi: **Bản báo giá cung cấp vắc xin để tiêm ngừa dịch vụ tại Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ năm 2026**, đồng thời gửi bản scan và file excel báo giá về địa chỉ mail: kduoc.bvndct@gmail.com.

Đính kèm danh mục vắc xin mời báo giá

4. Thời gian và thời hạn tiếp nhận báo giá từ 9 giờ 00 phút ngày 27 tháng 02 năm 2026 đến trước 9 giờ 00 phút ngày 11 tháng 03 năm 2026. Thời gian tiếp nhận báo giá trong giờ hành chính (từ 7 giờ 30 đến 16 giờ).

5. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 11 tháng 03 năm 2026.

7. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Khoa Dược - Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: 345 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

8. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng hợp lệ của Bệnh viện, trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng hợp lệ của Bệnh viện đối với hàng hóa cấp cứu.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

10. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: Không áp dụng.

- Điều kiện thanh toán:

+ Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

+ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

+ Thời hạn thanh toán: trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hàng hóa, hóa đơn, chứng từ thanh toán hợp lệ.

Lưu ý: Đơn vị cung cấp báo giá có thể chào giá 01 hoặc nhiều sản phẩm tùy vào năng lực, đồng thời chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá và nâng khống giá.

Nơi nhận:

-Như kính gửi;

-Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC *[Signature]*
BS. CKII. Ông Huy Thanh

PHỤ LỤC I – DANH MỤC HỒ SƠ CHÀO GIÁ HÀNG HÓA

Hồ sơ được đánh số trang, đóng cuốn sắp xếp theo thứ tự như sau:

STT	Tên tài liệu	Trang
	BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY (Mẫu 1)	
	BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VẮC XIN (Mẫu 2)	
A	HỒ SƠ NHÀ CUNG ỨNG	
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
2	Giấy ủy quyền của người ký hồ sơ báo giá (nếu có)	
3	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (bao gồm vắc xin, sinh phẩm) do cơ quan có thẩm quyền cấp.	
4	Giấy chứng nhận GDP, GSP (bao gồm vắc xin, sinh phẩm)	
B	HỒ SƠ SẢN PHẨM	
5	5.1. Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu 5.2. Tài liệu chứng minh tiêu chuẩn thực hành tốt của cơ sở sản xuất vắc xin được Cục Quản lý dược công bố. Trường hợp sản phẩm có Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu, giấy chứng nhận GMP hết hạn tại thời điểm chào giá, Nhà cung ứng cung cấp: + Văn bản cam kết đảm bảo cung ứng vắc xin theo yêu cầu; + Bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong biểu mẫu chào giá	
6	6.1. Mẫu nhãn vắc xin. 6.2. Tờ hướng dẫn sử dụng vắc xin bằng tiếng Việt bao gồm: (1) Tờ hướng dẫn đăng ký với Cục Quản lý Dược và (2) Tờ hướng dẫn đính kèm trong sản phẩm thực tế	
C	GIÁ VẮC XIN	
7	Biểu mẫu báo giá vắc xin (điền đầy đủ thông tin theo Mẫu 3) - Bản giấy (ký tên, đóng dấu) - File excel	
8	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu (thể hiện từng sản phẩm được chào giá)(*),(**)	
D	BẢN CAM KẾT (theo Mẫu 4)	

Lưu ý:

- Hồ sơ được cấp trực tuyến đóng dấu giáp lai một công ty, các hồ sơ còn lại sao y công chứng.

- Bản sao tài liệu chứng minh nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật theo Điều 11 Thông tư 07/2024/TT-BYT Quy định về việc dự thầu vào các nhóm thuốc. Nếu có Quyết định trúng thầu chứng minh được nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc, vắc xin thì không cần cung cấp tài liệu chứng minh nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật

Nhóm tiêu chí kỹ thuật:

1. Nhóm 1 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định;

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; dược chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất theo quy định.

2. Nhóm 2 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH, được cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước này cấp chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP.

3. Nhóm 3 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

4. Nhóm 4 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

5. Nhóm 5 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

- (*) Quyết định trúng thầu/Thông báo trúng thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi được

đăng tải trên mạng Đấu thầu quốc gia (cung cấp mã E-TBMT) không quá 18 tháng, còn hiệu lực tối thiểu 03 tháng đến ngày kết thúc nộp hồ sơ (thể hiện được tên hàng hóa được chào giá). Nếu công ty tham gia chào giá không phải là nhà trúng thầu theo Quyết định trúng thầu/Thông báo trúng thầu nộp, phải có tài liệu xác nhận cho phép sử dụng kết quả trúng thầu của nhà thầu trúng thầu.

- (**) **Trường hợp hàng hóa không có Quyết định/Thông báo trúng thầu:** thì phải có 03 hóa đơn cung cấp cho 03 cơ sở y tế trong 02 năm gần nhất.

- Ngoại trừ biểu mẫu chào giá, các nội dung khác công ty được quyền bổ sung làm rõ.

- Trường hợp có sự khác biệt thông tin giữa file excel và thông tin trong hồ sơ chào giá (bản giấy), Bệnh viện sẽ căn cứ dựa trên thông tin trên Hồ sơ chào giá (bản giấy) được nộp.

Mẫu 1: BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY

Công ty:

Địa chỉ:

Mã số Thuế:

STT	Tên tài liệu	Công ty tự đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Bệnh viện đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Ghi chú (Trang)
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			
2	Giấy ủy quyền của người ký hồ sơ báo giá (nếu có)			
3	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (bao gồm vắc xin, sinh phẩm) do cơ quan có thẩm quyền cấp.			
4	Giấy chứng nhận GDP, GSP (bao gồm vắc xin, sinh phẩm)			

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

<p>Phản đánh giá của bệnh viện: Kết luận:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>Người đánh giá (Ký và ghi rõ họ tên)</p>
--	---

Mẫu 2: BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VẮC XIN

Tên công ty:

Tên Vắc xin:

Mã Vắc xin:

STT	Tên tài liệu	Công ty tự đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Bệnh viện đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Ghi chú (Số trang)
A HỒ SƠ SẢN PHẨM				
1	Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu			
2	Tài liệu chứng minh tiêu chuẩn thực hành tốt của cơ sở sản xuất vắc xin được Cục Quản lý dược công bố.			
3	Mẫu nhãn vắc xin			
4	Tờ hướng dẫn sử dụng vắc xin bằng tiếng Việt bao gồm: (1) Tờ hướng dẫn đăng ký với Cục Quản lý Dược và (2) Tờ hướng dẫn đính kèm trong sản phẩm thực tế			
B GIÁ VẮC XIN				
4	Biểu mẫu chào giá (điền đầy đủ thông tin theo Mẫu 3) - Bản giấy (ký tên, đóng dấu) - File excel			
5	Giá chào (VNĐ)			
C BẢN CAM KẾT (theo Mẫu 4)				
KẾT LUẬN				

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phân đánh giá của bệnh viện: Kết luận:	Người đánh giá (Ký và ghi rõ họ tên)
---	---

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

Công ty:
 Mã số thuế:
 Địa chỉ:
 SĐT: Fax: Email:
 Người liên hệ: SĐT:

BIỂU MẪU BÁO GIÁ VẮC XIN

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ
 Căn cứ Thông báo mời chào giá số /TB-BVNĐ ngày... tháng năm Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bảng chào giá
 vắc xin như sau:

STT	Mã tham chiếu	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	SĐK/ GPNK/ GPLH	Giá bán buôn thuộc dự kiến công bố (nếu có)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng (*)	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Đơn giá trúng thầu trong vòng 12 tháng	Mã TBMT/ Số QĐ trúng thầu	Ngày QĐ trúng thầu	Thời gian thực hiện	Tên BV/ SYT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)

(*) Bảng chào giá này có hiệu lực 180 ngày kể từ ngày kí.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
 (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:
 Cột (2) Ghi theo đúng yêu cầu tại cột “Mã tham chiếu” Danh mục hàng hóa.
 Cột (17) Ghi đơn giá báo giá cho từng sản phẩm (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: **BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Sau khi nghiên cứu Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ. Chúng tôi, [điền tên công ty], cam kết các nội dung như sau:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ báo giá là trung thực.

4. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện cung ứng cho bệnh viện.

5. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp:

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng vắc xin theo nhu cầu sử dụng của bệnh viện và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong Hồ sơ báo giá. Đảm bảo cung ứng vắc xin theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với bệnh viện và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

- Thời hạn giao hàng không quá 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ.

- Cung cấp Tờ khai hải quan và Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm của lô sản phẩm được giao cho bệnh viện.

6. Cam kết thu hồi vắc xin trong trường hợp vắc xin đã giao nhưng không bảo đảm chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

7. Cung cấp đầy đủ thông tin về vắc xin và cơ sở sản xuất có vi phạm chất lượng trong vòng một năm gần đây (nếu có).

8. Cam kết các mặt hàng khi phân phối có thông tin thống nhất với mẫu nhãn, hướng dẫn sử dụng cung cấp trong Hồ sơ báo giá và thông tin đăng ký với Bộ Y tế, nếu không sẽ bồi thường cho Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ khi có sự thiệt hại do sự sai lệch thông tin trên gây ra.

9. Phương thức thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày sau khi hoàn tất hóa đơn hợp pháp, thủ tục nhập kho.

10. Giá hàng hóa bán cho Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ không cao hơn giá niêm yết trên thị trường theo Luật Giá; đối với hàng hóa có trong danh mục trúng thầu của chính bệnh viện, giá bán cho bệnh viện không cao hơn giá trúng thầu tại cùng thời điểm; Tuân thủ các quy định niêm yết giá hoặc công bố, công bố lại giá bán buôn theo quy định của pháp luật hiện hành;

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường nếu có sự sai khác về tính chính xác của thông tin nêu trên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

DANH MỤC VẮC XIN YÊU CẦU CHÀO GIÁ

(Đính kèm TBYCCG số 324/TM-BVND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ)

STT	Tên thương mại	Hoạt chất - Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng	Thời gian dự kiến sử dụng	Ghi chú
1	Hexaxim	Giải độc tố bạch hầu, giải độc tố uốn ván, kháng nguyên Berdetella pertussis gồm giải độc tố ho gà, ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA), Virus bại liệt (bất hoạt) týp 1, 2, 3, kháng nguyên về mặt viên gan B, Polysaccharide Heamophilus influenzae týp b cộng hợp với protein uốn ván. Mỗi 0,5 ml/liều: $\geq 20IU + \geq 40IU + (25 \text{ mcg} + 25 \text{ mcg}) + (40DU + 8DU + 32DU) + 10 \text{ mcg} + (12 \text{ mcg} + 22-3 \text{ mcg})$	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	1	Bom tiêm	430	1 năm	
2	Infanrix Hexa Via 0.5ml 1's	Độc tố bạch hầu/uốn ván, 3 kháng nguyên ho gà (PT, FHA, PRN), HBsAg viêm gan B, virus bại liệt (1,2,3) và Hib: $\geq 30IU + (25\text{mcg}$ và 25mcg và $8\text{mcg}) + \geq 40IU + (40DU + 8DU + 32DU) + (10\text{mcg} + 25\text{mcg}) + 10\text{mcg}$; Liều (0,5ml) (sau khi hoàn nguyên)	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm đông khô	Tiêm/ truyền	1	Liều	310	1 năm	
3	Rotarix vial 1.5ml 1's	Rotavirus ở người sống giảm động lực chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID50/ Liều (1,5ml)	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	1	Ống	180	1 năm	

STT	Tên thương mại	Hoạt chất - Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng	Thời gian dự kiến sử dụng	Ghi chú
4	Rotateq 2ml 10's	Các chủng virus Rotavirus gồm: G1, G2, G3, G4, P1A[8]: $\geq 2,2$ triệu IU + $\geq 2,8$ triệu IU + $\geq 2,2$ triệu IU + $\geq 2,0$ triệu IU + $> 2,3$ triệu IU/ Liều (2ml)	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	1	Tuýp	260	1 năm	
5	Synflorix Inj 0.5ml 1Dose	1mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và 3mcg của các týp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4/ Liều (0,5ml)	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm/ truyền	1	Liều	150	1 năm	

STT	Tên thương mại	Hoạt chất - Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng	Thời gian dự kiến sử dụng	Ghi chú
6	Prevenar 13 0.5ml Inj 1's	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg + Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg + Protein vận chuyển CRM197 32mcg)/ 0,5ml (liều đơn)	Thuốc tiêm	Tiêm/ truyền	1	Bơm tiêm	460	1 năm	
7	Prevenar 20	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bấp	1	Bơm tiêm	300	1 năm	

STT	Tên thương mại	Hoạt chất - Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng	Thời gian dự kiến sử dụng	Ghi chú
		2,2mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn – saccharid cộng hợp với CRM197)							
8	Influvac Tetra	A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) - 15mcg haemagglutinin + A/South Australia/34/2019 (H3N2)-like strain (A/South Australia/34/2019, IVR-197) - 15mcg haemagglutinin + B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type) - 15mcg haemagglutinin + B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type) - 15mcg haemagglutinin/ 0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/truyền	1	Liều	760	1 năm	

STT	Tên thương mại	Hoạt chất - Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng	Thời gian dự kiến sử dụng	Ghi chú
9	Vaxigrip	Trong một liều 0,5 ml chứa Virus Cúm (vắc-xin dạng mảnh, bất hoạt) gồm các chủng sau: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg HA; A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg HA; B/Austria/1359417/2021- sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15mcg HA	Hỗn dịch tiêm	Tiêm/truyền	1	Bơm tiêm	400	1 năm	
10	Priorix 0.5ml Vial 1's	Bao gồm virus sởi (chủng Schwarz), virus quai bị (chủng RIT 4385), và virus rubella (chủng Wistar RA 27/3): $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,7}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀	Bột vắc xin đông khô	Tiêm dưới da	1	Hộp	380	1 năm	
11	Menactra	Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4mcg + Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4mcg + Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4mcg + Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4mcg + Protein giải độc tố Bạch hầu 48mcg (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)/ 0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/truyền	1, 5	Lọ	134	1 năm	

STT	Tên thương mại	Hoạt chất - Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng	Thời gian dự kiến sử dụng	Ghi chú
12	Menquadfi	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uốn ván khoảng 55mcg	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	1, 5	Lọ	134	1 năm	
13	M-M-R II & Dung Dịch Pha 0.5ml 10's	Virus sởi (chủng Edmonston), quai bị (chủng Jeryl Lynn) và rubella (chủng Wistar RA 27/3): ≥ 1.000 CCID ₅₀ + ≥ 12.500 CCID ₅₀ + ≥ 1.000 CCID ₅₀ / 0,5ml	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm đông khô	Tiêm /truyền	1	Lọ	42	1 năm	
14	Varivax & Diluent Inj 0.5ml 1's	Virus Varicella Zoster sống, giảm độc lực (chủng Oka/Merck): ≥ 1.350 PFU/ Liều (0,5ml) (sau khi hoàn nguyên)	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm đông khô	Tiêm/ truyền	1	Lọ	150	1 năm	
15	Varilrix 0,5ml 1 Dose	Virus thủy đậu Varicella Zoster (chủng Oka) sống, giảm độc lực $\geq 10^{3,3}$ PFU	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Tiêm dưới da	1	Hộp	50	1 năm	

STT	Tên thương mại	Hoạt chất - Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng	Thời gian dự kiến sử dụng	Ghi chú
16	Barycela inj.	Mỗi 0,5ml vắc xin sau khi hoàn nguyên chứa Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực (Chủng: MAV/06, dòng tế bào: MRC-5) ≥ 3.800 PFU	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm dưới da	2	Lọ	30	1 năm	
17	ProQuad	Liều 0,5ml chứa: - Vi-rút sởi $\geq 3,00$ log TCIDS ₀ ; - Vi-rút Quai bị $\geq 4,30$ log TCIDS ₀ ; - Vi-rút Rubella $\geq 3,00$ log TCIDS ₀ ; Vi-rút Thủy đậu $\geq 3,99$ log PFU	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Tiêm dưới da	1	Liều	100	1 năm	
18	Avaxim 80U Pediatric	Virus viêm gan A, chủng GBM (bất hoạt): 80U/0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm /truyền	1	Bơm tiêm	64	1 năm	
19	Twinrix Via 1ml 1's	Virus viêm gan A bất hoạt (720 đơn vị ELISA) và Kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) tái tổ hợp (20 mcg)/ 1ml	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm/ truyền	1	Hộp	150	1 năm	
20	Gene-HBVAX	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 10mcg/0,5 ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	5	Liều	60	1 năm	

STT	Tên thương mại	Hoạt chất - Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng	Thời gian dự kiến sử dụng	Ghi chú
21	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)/10 mcg/ 0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp sâu	5	Lọ	60	1 năm	
22	Typhim Vi	Polysaccharide vỏ vi khuẩn Salmonella typhi (chủng Ty2) - 25 microgam/ 0,5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp hay tiêm dưới da	1	Bơm tiêm	34	1 năm	
23	Tetraxim	Giải độc tố bạch hầu, uốn ván, ho gà vô bào và các tuýp virus bại liệt bất hoạt (1, 2, 3): $\geq 30IU + (25mcg$ và $25mcg) + \geq 40IU + (40D.U + 8D.U + 32D.U)/ 0,5ml$	Thuốc tiêm	Tiêm/truyền	1	Bơm tiêm	152	1 năm	
24	Adacel	Giải độc tố uốn ván 5 Lf, giải độc tố bạch hầu 2 Lf, vắc-xin & thành phần ho gà (Giải độc tố ho gà (PT) 2.5mcg, FHA 5mcg, pertactin (PRN) 3mcg, ngưng kết tố 2+3 (FIM) 5mcg)/ 0.5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	1	Lọ	14	1 năm	
25	Gardasil Inj 0.5ml 1's	20mcg protein L1 HPV6 + 40mcg protein L1 HPV11 + 40mcg protein L1 HPV16 + 20mcg protein L1 HPV18/ Liều (0,5ml)	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm/truyền	1	Lọ	20	1 năm	

STT	Tên thương mại	Hoạt chất - Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng	Thời gian dự kiến sử dụng	Ghi chú
26	Gardasil 9 0.5ml 1's	30mcg protein L1 HPV týp 6 + 40mcg protein L1 HPV týp 11 + 60mcg protein L1 HPV týp 16 + 40mcg protein L1 HPV týp 18 + 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31, 33, 45, 52 và 58/ Liều (0,5ml)	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm/ truyền	1	Bơm tiêm	160	1 năm	
27	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT) 40IU/0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/ truyền	4	Ống	132	1 năm	
28	Beyfortus	Nirsevimab (cách ghi hoạt chất tại Hoa Kỳ: Nirsevimab-alip) 50mg/ 0,5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	1	Bơm Tiêm	20	1 năm	
29	Beyfortus	Nirsevimab (cách ghi hoạt chất tại Hoa Kỳ: Nirsevimab-alip) 100mg/ 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	1	Bơm Tiêm	20	1 năm	